

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH NT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày 08-3-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH NT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phụng.

2. Bà Cadá Thị Lính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sầm A Tắc - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh NT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh NT tham gia phiên tòa: Ông Tạ Yên Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Capital Tower, số 109 - Trần Hưng Đ, phường CN, quận HK, Thành phố HN.

Địa chỉ chi nhánh NT: Số 44, đường 16 tháng 4, phường TT, thành phố PRTC, tỉnh NT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Tùng L; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thái Tùng L: Chị Bùi Thụy Quỳnh A; Chức vụ: Tổ trưởng KHCN - Phòng khách hàng (Theo văn bản ủy quyền số 468/2017/UQ-LienVietPostBank.NT ngày 09/10/2017). (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Đoàn Hồng T, sinh năm 1982. (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

Địa chỉ: thôn TL1, xã PĐ, huyện X, tỉnh NT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần A chị Bùi Thụy Quỳnh A trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 12/260716/04/620 ngày 26/7/2016, anh Đoàn Hồng T có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A chi nhánh tỉnh NT (gọi tắt là Ngân hàng A) số tiền 200.000.000 đồng để tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 26/7/2016 - 26/7/2021), lãi suất cho vay 13%/năm trong ba tháng đầu tiên (lãi suất sau đó được điều theo lãi suất từng kì 13 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của Ngân hàng nhưng không thấp hơn 13%/năm), lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là ngày 25 hàng tháng.

Đến ngày 25/5/2017, anh Đoàn Hồng T đã trả được tiền gốc là 33.330.000 đồng, tiền lãi 18.493.750 đồng. Sau đó anh Đoàn Hồng T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên sau ngày 25/5/2017 Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn.

Tổng số nợ tính đến ngày 08/3/2018 anh Đoàn Hồng T phải trả cho Ngân hàng A số tiền là 186.631.397 đồng. Trong đó:

- + Tiền gốc là 166.670.000 đồng;
- + Lãi trong hạn (số ngày trong kỳ trả nợ * lãi suất * số dư nợ tính lãi) 17.632.462 đồng;
- + Lãi do chậm trả tiền gốc (số ngày quá hạn * lãi suất quá hạn * tiền gốc chưa trả) 2.328.935 đồng;

Trong Đơn khởi kiện ngày 09/10/2017 Ngân hàng A có yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi quá hạn 238.219 đồng, tính đến ngày 08/3/2018 số tiền là 1.402.462 đồng (số ngày quá hạn * lãi suất quá hạn * tiền lãi chưa trả) do chưa có quy định của pháp luật nên Ngân hàng A không yêu cầu anh Đoàn Hồng T phải trả khoản tiền này.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng A yêu cầu Tòa án buộc anh Đoàn Hồng T phải trả cho Ngân hàng A 186.631.397 đồng. Trong đó: tiền gốc là 166.670.000 đồng, tiền lãi 19.961.397 đồng.

Qua xác minh cho thấy: Anh Đoàn Hồng T vay tiền của Ngân hàng A bao nhiêu, vào thời gian nào, để làm gì vợ anh Đoàn Hồng T không biết, khoản nợ này cũng không liên quan gì tới vợ anh Đoàn Hồng T. Sau khi có Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 991/QĐ-CT ngày 20/10/2017 của Cục thuế tỉnh NT đối với anh Đoàn Hồng T, anh Đoàn Hồng T bỏ địa phương đi, thỉnh thoảng có điện thoại về cho vợ là chị Lê Thị Huyền T. Do không ai biết địa chỉ của anh T ở đâu nên Tòa án nhân dân huyện X phải tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị Huyền T. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, chị Lê Thị Huyền T đã cam kết báo lại cho anh Đoàn Hồng T biết, nhưng anh Đoàn Hồng T không báo địa chỉ đang ở cho chị Trần biết và không đến Tòa án nên Tòa án không lấy được lời khai của anh **Đoàn Hồng T , không tiến hành hòa giải được** và phải hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Phiên tòa lần hai, anh

Đoàn Hồng T cũng không đến để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt là chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đoàn Hồng T vắng mặt là không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Đoàn Hồng T phải trả tổng số nợ tính đến ngày 08/3/2018 là 186.631.397 đồng. Trong đó: tiền gốc là 166.670.000 đồng, tiền lãi 19.961.397 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Đoàn Hồng T phải trả cho Ngân hàng A số tiền là 186.631.397 đồng. Trong đó: tiền gốc là 166.670.000 đồng, tiền lãi 19.961.397 đồng.

Trong Đơn khởi kiện ngày 09/10/2017, **Ngân hàng A** có yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi được tính theo công thức: Số lãi quá hạn = Số ngày quá hạn * lãi suất quá hạn * tiền lãi chưa trả, tính đến ngày 08/3/2018 số tiền này là 1.402.462 đồng. Tại phiên tòa, đại diện cho A rút yêu cầu này đối với bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn anh Đoàn Hồng T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Căn cứ hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 12/260716/04/620 ngày 26/7/2016, anh Đoàn Hồng T có vay của Ngân hàng A số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 26/7/2016 - 26/7/2021), lãi suất cho vay 13%/năm trong ba tháng đầu tiên (lãi suất sau đó được điều chỉnh theo lãi suất từng kỳ 13 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của Ngân hàng nhưng không thấp hơn 13%/năm), lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là ngày 25 hàng tháng.

Sau khi vay anh Đoàn Hồng T đã trả nợ gốc và lãi đến ngày 25/5/2017 được 33.330.000 đồng gốc và 18.493.750 đồng tiền lãi. Sau ngày 25/5/2017, anh Đoàn Hồng T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 26/5/2017 Ngân hàng A đã chuyển toàn

bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Nay nguyên đơn yêu cầu anh Đoàn Hồng T phải trả số nợ tính đến ngày 08/3/2017 là 186.631.397 đồng. Trong đó:

- + Dư nợ gốc là 166.670.000 đồng;
- + Lãi trong hạn (số ngày trong kỳ trả nợ * lãi suất * số dư nợ tính lãi) 17.632.462 đồng;
- + Lãi do chậm trả tiền gốc (số ngày quá hạn * lãi suất quá hạn * tiền gốc chưa trả) 2.328.935 đồng;

Yêu cầu của Ngân hàng A là có căn cứ, đúng quy định tại các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

Trong Đơn khởi kiện ngày 09/10/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần A có yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi được tính theo công thức: Số lãi quá hạn = số ngày quá hạn * lãi suất quá hạn * tiền lãi chưa trả, tính đến ngày 08/3/2018 số tiền này là 1.402.462 đồng. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng A rút yêu cầu này đối với bị đơn là phù với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn anh Đoàn Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.574.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014751 ngày 27/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện X.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 3 Điều 235; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc anh Đoàn Hồng T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A chi nhánh tỉnh NT tính đến ngày 08/3/2017 là 186.631.397 (một trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm ba một nghìn ba trăm chín bảy) đồng. Trong đó:

- + Dư nợ gốc là 166.670.000 (một trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng;
- + Lãi trong hạn 17. 632.462 (mười bảy triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi hai) đồng;

+ Lãi do chậm trả tiền gốc 2.328.935 (hai triệu ba trăm hai mươi tám nghìn chín trăm ba mươi lăm) đồng;

Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà người vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/3/2018), thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm người vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/ Về án phí: Bị đơn anh Đoàn Hồng T phải chịu 9.331.570 (chín triệu ba trăm ba mươi một nghìn năm trăm bảy mươi) đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A chi nhánh tỉnh NT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.574.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014751 ngày 27/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện X.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Đoàn Hồng T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NT;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Xuân Hùng

